TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dững

2. Ông Huỳnh Minh Quân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2003 bà và ông Nguyễn Phước Đ đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2005.

Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu

thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông Đ chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2019 đến nay bà và ông Đ không ai nói chuyện với ai, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Ngọc Kiều V, sinh ngày 15/02/2010. Hiện Nguyễn Thị Thùy T đã thành niên và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kiều V. Hiện bà đang làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Phước Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất kỳ văn bản nào nêu ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Cháu Nguyễn Ngọc Kiều V có nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn, thì được tiếp tục sống cùng với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng ông Nguyễn Phước Đ đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Quá trình chung sống, bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Phước Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim N theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: Bà N và ông Đ có hai con chung, trong đó cháu

Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 26/11/2005 đã thành niên nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Kiều V, sinh ngày 15/02/2010, hiện đang do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Bà N có việc làm và thu nhập ổn định, bảo đảm điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ông Đ không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều V cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà Trần Thị Kim N không yêu cầu ông Nguyễn Phước Đ cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ, địa chỉ: xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Phước Đ đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà N.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2005 (số 97, quyển số 01), nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, thấy rằng: Theo bà N, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông Đ chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2019 đến nay bà và ông Đ không ai nói chuyện với ai, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho ông Đ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông Đ đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ đó cho thấy, ông Đ cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, hôn nhân của bà N và ông Đ đã không còn hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn trong nhiều năm, hiện các bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3.3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Ngọc Kiều V, sinh ngày 15/02/2010. Đối với cháu Nguyễn Thị Thùy T đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Kiều V, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; ông Đ vắng mặt, không có ý kiến về quyền trực tiếp nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Kiều V có ý kiến được tiếp tục sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung nên giao cháu Kiều V cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông Đ vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N về việc "Tranh chấp ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Phước Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều V, sinh ngày 15/02/2010 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009769 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thúy Hồng